TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 74/2022/QĐST-HNGĐ	*Đoan Hùng, ngày 30 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Vũ Thường
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đình Đại
2. Ông Nguyễn Ngọc Quang
Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 59, 61, 62 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 351/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn";
Xét thấy tại phiên tòa các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận toàn bộ nội dung vụ án và việc thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:
+ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1982
Địa chỉ: Khu 05, xã M, huyện Đ, tỉnh P
+ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Khu 05, xã M, huyện Đ, tỉnh P
+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
- Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1957, bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1963
Địa chỉ: Khu 05, xã M, huyện Đ, tỉnh P
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965
Địa chỉ: Khu 06, xã M, huyện Đ, tỉnh P
- Anh Nguyễn Viết T, sinh năm 1985
Địa chỉ: Khu 07, xã M, huyện Đ, tỉnh P
2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
+ Về chia tài sản chung:
- Chị Nguyễn Thị Kim D sử dụng phần đất có diện tích 109m2, trị giá 539.550.000đ (Năm trăm ba mươi chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), thuộc thửa đất số 12-13, tờ bản đồ số 13, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC

829623 của UBND huyện Đoan Hùng cấp ngày 24/12/2010 mang tên ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Kim D, tại khu Trung tâm xã M, huyện Đ, tỉnh P. Đồng thời chị D sở hữu 01 điều hòa phòng ngủ tầng 2, 01 két sắt, 01 bàn trang điểm, 01 máy bơm nước nhà 2 tầng, 01 giường gỗ loại 1,8m và các đồng dùng tư trang cá nhân. Đến ngày 09/10/2022 chị D có nghĩa vụ dịch chuyển các tài sản này và đồ dùng tư trang cá nhân ra khỏi nhà anh Nguyễn Anh T.

- Anh Nguyễn Anh T sở hữu các tài sản nằm trên thửa đất của ông Nguyễn Thái B và bà Nguyễn Thị V tại khu 05 xã M, huyện Đ, tỉnh P, gồm: 01 nhà xây 02 tầng diện tích 75,9m2, trị giá 166.980.000đ, 01 nhà xây cấp bốn diện tích 65m2, trị giá 97.500.000đ, 01 bếp củi diện tích 8,74m2 trị giá 4.370.000đ, 01 bếp xây diện tích 52m2, trị giá 78.000.000đ, 01 sân lát gạch đỏ diện tích 53,58m2, trị giá 16.074.000đ, 01 mái lợp tôn diện tích 42,09m2, trị giá 8.418.000đ, 01 mái lợp tôn diện tích 49,82m2, trị giá 9.964.000đ, 01 sân bê tông diện tích 168,74m2, trị giá 33.748.000đ, 01 lan can tiện xi măng trị giá 2.690.000đ, phần bê tông cổng diện tích 36m2, trị giá 7.200.000đ, trụ cổng + mái cổng, trị giá 5.000.000đ, 01 giếng đào sâu 15m, trị giá 5.000.000đ. Tổng trị giá tài sản 434.944.000đ (Bốn trăm ba tư triệu chín trăm bốn bốn nghìn đồng).

Chị D có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Anh T 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu) tiền chênh lệch tài sản, thời hạn thanh toán đến ngày 30/10/2022.

- Bà Nguyễn Thị T sử dụng phần đất có diện tích 48m2, trị giá 237.600.000đ (Hai trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng), thuộc thửa đất số 12-13, tờ bản đồ số 13, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 829623 của UBND huyện Đoan Hùng cấp ngày 24/12/2010 mang tên ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Kim D, tại khu Trung tâm xã M, huyện Đ, tỉnh P và các tài sản trên phần đất này.

- Anh Nguyễn Viết T tự tháo dỡ các tài sản trên phần đất của chị D được sử dụng, gồm 06 cột bê tông trị giá 600.000đ, 04 cột sắt tròn trị giá 400.000đ và 01 cây sung trị giá 140.000đ để trả đất cho chị D.

+ Về việc anh Nguyễn Viết T mua đất của ông Nguyễn Thái B: Anh Nguyễn Viết T và ông Nguyễn Thái B tự giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị D phải nộp 9.738.000đ (Chín triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng). Số tiền chị D phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng), theo biên lai số AA/2020/0004020, ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Trả lại cho chị D 8.262.000đ (Tám triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng)

- Anh Nguyễn Anh T phải nộp 13.698.000đ (Mười ba triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đoan Hùng;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu hồ sơ, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Vũ Thường